

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY VÀ LIÊN THÔNG
CHÍNH QUY NĂM 2018**

Thái Nguyên, 3/2018

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2018
PHẦN I: TUYỂN SINH CHÍNH QUY

1. Thông tin chung về trường (Tính đến thời điểm xây dựng Đề án)

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (cơ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang web

- Tên trường: **Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên**
- Sứ mệnh: "*Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên có sứ mạng đào tạo cán bộ Y Dược có trình độ đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ y dược, hỗ trợ phát triển hệ thống y tế, cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân các dân tộc miền núi phía Bắc Việt Nam và cả nước*"

- Địa chỉ: Số 284, đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên.

- Địa chỉ trang Web: **www.tump.edu.vn**

1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại			
	ĐH		CĐSP	
	GD chính quy (ghi rõ số NCS, số học cao học, số SV đại học)	GDTX (ghi rõ số SV ĐH)	GD chính quy	GDTX
Nhóm ngành VI	36 NCS; 25 CH; 4595 ĐHCQ.			
Tổng (ghi rõ cả số NCS, cao học, SV ĐH, CĐ)				

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia.

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh - 2016			Năm tuyển sinh - 2017		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Khối ngành VI						
- Ngành 1: Y đa khoa	300	324	24.75	300	307	27.0
- Ngành 2: Dược học	120	148	24.5	150	152	25.25
- Ngành 3: Răng hàm mặt	30	40	24.5	30	30	26.75
- Ngành 4: Y học dự phòng	50	65	23.0	50	59	22.75
- Ngành 5: Điều dưỡng	120	157	22.0	150	155	23.5
- Ngành 6: Kỹ thuật xét nghiệm y học				50	53	23.75
Tổng	620	734		730	756	

2. Các thông tin của năm tuyển sinh

2.1. *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.

2.2. *Phạm vi tuyển sinh:* Tuyển sinh trong cả nước

2.3. *Phương thức tuyển sinh:* Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia năm 2018.

2.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh:* Chỉ tiêu theo ngành/ nhóm ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo:

- Ngành Y khoa:	300
- Ngành Răng hàm mặt:	30
- Ngành Dược học:	180
- Ngành Y học dự phòng:	50
- Ngành Điều dưỡng:	180
- Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học:	50

2.5. *Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT:*

- Căn cứ Khoản 2, Điều 12, Thông tư 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, Nhà trường quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với tất cả các ngành tuyển sinh của Trường như sau: Thí sinh có tổng điểm các môn thi THPT Quốc gia năm 2018 theo tổ hợp môn dùng để xét tuyển cho từng ngành đào tạo không dưới 15 điểm.

2.6. *Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...*

- Mã số trường: DTY

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã tổ hợp môn	Tiêu chí phụ
1	7720101	Y khoa	Toán, Sinh, Hoá	B00	Môn Toán cho tất cả các ngành
2	7720501	Răng hàm mặt	Toán, Sinh, Hoá	B00	
3	7720201	Dược học	Toán, Lý, Hoá	A00	
4	7720110	Y học dự phòng	Toán, Sinh, Hoá	B00	
5	7720301	Điều dưỡng	Toán, Sinh, Hoá	B00	
6	7720601	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	Toán, Sinh, Hoá	B00	

2.7. *Tổ chức tuyển sinh:* Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển, tổ hợp môn thi/ bài thi đối từng ngành đào tạo...

Thời gian và hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Đại học Thái Nguyên.

2.8. *Chính sách ưu tiên:* Tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

Theo quy định tại Điều 7, Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 và Thông tư 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2.8.1. Điều kiện tuyển thẳng

Những thí sinh đạt giải Nhất, Nhì và Ba trong cuộc thi chọn học sinh giỏi Quốc gia môn Toán, Hóa, Sinh và đã tốt nghiệp THPT được tuyển thẳng vào ngành: Y khoa, Răng Hàm Mặt, Điều dưỡng, Y học dự phòng, Kỹ thuật xét nghiệm y học.

Những thí sinh đạt giải Nhất, Nhì và Ba trong cuộc thi chọn học sinh giỏi Quốc gia môn Toán, Hóa, Lý và đã tốt nghiệp THPT được tuyển thẳng vào ngành: Dược học.

2.8.2. Ưu tiên xét tuyển (Áp dụng cho các thí sinh không đạt điều kiện tuyển thẳng hay không dùng điều kiện tuyển thẳng)

Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc Gia môn Toán, Hóa, Sinh được cộng điểm thưởng vào tổng điểm 03 bài thi/môn thi Toán, Hóa học, Sinh học đối với các ngành Y khoa, Răng Hàm Mặt, Điều dưỡng, Y học dự phòng, Kỹ thuật xét nghiệm y học.

Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc Gia môn Toán, Hóa, Lý được cộng điểm thưởng vào tổng điểm 03 bài thi/môn thi Toán, Hóa học, Vật lý đối với ngành Dược học.

*** Mức điểm thưởng: đạt giải Nhất cộng 3,0 điểm, đạt giải Nhì cộng 2,0 điểm, đạt giải Ba cộng 1,0 điểm.**

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Theo quy định hiện hành.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 02/10/2015, mức thu học phí và lộ trình tăng học phí như sau:

- Năm học 2018-2019: 1.180.000 đồng/tháng/người
- Năm học 2019-2020: 1.300.000 đồng/tháng/người
- Năm học 2020-2021: 1.430.000 đồng/tháng/người
- Năm học 2021-2022: 1.573.000 đồng/tháng/người

3. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm: Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Thái Nguyên.

4. Thông tin về các Điều kiện đảm bảo chất lượng chính

4.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

4.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 3.68ha
- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường: 34.845,15m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 640 chỗ.

4.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

Tên phòng thực hành	Các trang thiết bị chính		
	Tên trang thiết bị	ĐVT	SL
Bào chế - CND	Bộ lọc dung môi chân không	Bộ	1
	Bộ sàng	Bộ	1
	Bơm chân không	Cái	1
	Cân kỹ thuật	Cái	1
	Cân phân tích điện tử	Cái	1
	Máy dập viên tâm sai	Cái	1
	Máy đo độ cứng thuốc viên	Cái	1
	Máy đo độ hòa tan tự động	Cái	1
	Máy đo độ mài mòn, vỡ vụn	Cái	1
	Máy đo độ PH	Cái	1

Tên phòng thực hành	Các trang thiết bị chính		
	Tên trang thiết bị	ĐVT	SL
	Máy đo độ thẩm thấu	Cái	1
	Máy đo tỷ trọng thuốc	Cái	1
	Máy hút âm công nghiệp	Cái	1
	Máy lắc rây	Cái	1
	Máy trộn thuốc khô ướt	Cái	1
	Thiết bị đồng nhất hoá	Cái	1
	Tủ âm lạnh	Cái	1
	Tủ hút khí độc	Cái	1
	Tủ sấy	Cái	1
	Hệ thống thử độ hòa tan kết nối máy quang phổ online	HT	1
Chẩn đoán hình ảnh	Hệ thống chụp X-Quang răng toàn cảnh kỹ thuật số	HT	1
Điều dưỡng cơ bản	Bơm tiêm điện	Cái	1
	Giường đa năng chạy điện	Cái	4
	Hệ thống rửa tay ngoại khoa	Cái	2
	Máy nhỏ giọt thức ăn dạ dày	Cái	2
	Máy tạo oxy	Cái	4
	Máy truyền dịch	Cái	5
	Mô hình cấp cứu nhi đa năng	Cái	2
	Mô hình chọc dò màng bụng	Cái	2
	Mô hình chọc dò màng tim	Cái	2
	Mô hình chọc dò tràn khí màng phổi và phụ kiện	Cái	2
	Mô hình đặt nội khí quản người lớn	Cái	2
	Mô hình hồi sinh tim phổi	Cái	2
	Mô hình hồi sinh tim phổi trẻ em và phụ kiện	Cái	4
	Mô hình mở khí quản và phụ kiện	Cái	2
	Mô hình người bệnh đa năng	Cái	2
	Mô hình rửa dạ dày và phụ kiện	Cái	2
	Mô hình thăm khám hậu môn trực tràng	Cái	3
	Mô hình thăm khám hậu môn trực tràng	Cái	1
	Mô hình thay băng có dẫn lưu	Cái	1
	Mô hình thay băng có dẫn lưu	Cái	3
	Mô hình thay băng rửa vết thương	Cái	1
	Mô hình thay băng, cắt chỉ	Cái	1
	Mô hình thay băng, cắt chỉ	Cái	3
	Mô hình thông tiểu nam và phụ kiện	Cái	2
	Mô hình thông tiểu nữ và phụ kiện	Cái	2
	Mô hình thụt tháo	Cái	4
	Mô hình tiêm cột sống và phụ kiện	Cái	2
	Mô hình tiêm dưới da và phụ kiện	Cái	1
	Mô hình tiêm dưới da và phụ kiện	Cái	3
	Mô hình tiêm mỡ	Cái	3
	Mô hình tiêm tĩnh mạch và phụ kiện	Cái	2
	Mô hình tiêm trong da	Cái	1
	Mô hình tiêm trong da	Cái	3
Dược liệu	Máy hút âm công nghiệp	Cái	1
	Bếp cách thủy	Cái	2

Tên phòng thực hành	Các trang thiết bị chính		
	Tên trang thiết bị	ĐVT	SL
	Bộ cắt tinh dầu cải tiến và ống hứng tinh dầu	Bộ	2
	Bơm chân không	Cái	1
	Cân phân tích điện tử	Cái	1
	Kính hiển vi	Cái	20
	Kính hiển vi truyền hình	Bộ	1
	Máy cắt quay chân không	Bộ	1
	Máy đo điểm nóng chảy	Cái	1
	Máy đo độ PH	Cái	1
	Máy nghiền bột	Cái	1
	Tủ sấy	Cái	1
	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	1
	Máy sắc ký bản mỏng hiệu năng cao HPTLC	HT	1
Dược lý	Máy nuôi cơ quan cô lập	Cái	1
	Máy hút ẩm	Cái	1
	ôn áp	Cái	1
	Hệ thống ghi tín hiệu cơ cơ-Isometric Force Transducers	HT	1
Giải phẫu	Bộ thước đo nhân học martin	Bộ	2
	Bộ tranh giải phẫu	Cái	4
	Mô hình bán thân nhỏ	Cái	10
	Mô hình cơ chân	Cái	10
	Mô hình cơ đầu	Cái	10
	Mô hình cơ tay	Cái	10
	Mô hình cơ tay phẫu tích	Cái	10
	Mô hình cột sống đoạn ngực	Cái	9
	Mô hình cột sống đoạn thắt lưng	Cái	9
	Mô hình cột sống đoạn tủy	Cái	9
	Mô hình giải phẫu cắt lát cơ thể người	Bộ	2
	Mô hình giải phẫu cắt lát cơ thể người	Bộ	1
	Mô hình hộp sọ	Cái	9
	Mô hình nam vẽ cơ bằng cơ người	Cái	3
	Mô hình tủy sống mềm giảng dạy	Cái	10
	Máy photocopy	Cái	1
	Máy quét	Cái	1
	Mô hình giải phẫu cắt lát cơ thể người được chia thành 15 miếng	Cái	2
Giải phẫu bệnh-UTH	Bàn hơi nóng mảnh cắt vi thể	Cái	1
	Bề nhuộm lame	Cái	2
	Bộ dụng cụ phẫu tích lấy mẫu mô xét nghiệm vi thể	Bộ	1
	Hệ thống lọc khí độc	HT	1
	Hệ thống lưu giữ khối nên có bệnh phẩm	HT	1
	Hệ thống lưu giữ tiêu bản	HT	1
	Kính hiển vi	Cái	20
	Kính hiển vi truyền hình	Bộ	1
	Máy cắt tiêu bản quay tay	Cái	1
	Tủ âm 100 lít	Cái	1
	Tủ hút khí độc	Cái	1

Tên phòng thực hành	Các trang thiết bị chính		
	Tên trang thiết bị	ĐVT	SL
	Tủ lưu trữ mẫu	Cái	1
	Tủ paraffin 56oc	Cái	1
	Tủ sấy	Cái	1
	Máy in laser	Cái	1
	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	1
	Máy quay camera	Cái	1
	Máy đúc nền bệnh phẩm	Cái	1
	Máy xử lý mô tự động 120 cassette	Cái	1
Hoá dược	Bể điều nhiệt	Cái	1
	Chuẩn độ điện thế tự động	Bộ	1
	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao	HT	1
	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	1
	Máy ly tâm	Cái	1
	Cân kỹ thuật	Cái	2
	Cân phân tích điện tử	Cái	2
	Máy đo độ PH	Cái	1
	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến UV-VIS	Cái	1
	Tủ sấy	Cái	2
	Máy nghiền mẫu khô và ướt	Cái	1
	Máy phá mẫu bằng vi sóng	Cái	1
Hoá học	Máy đo độ PH	Cái	2
	Máy ly tâm rotor 6 vị trí	Cái	1
	Bếp cách thủy	Cái	1
	Bơm chân không	Cái	1
	Pipet tự động	Cái	1
	Tủ hút khí độc	Cái	2
Kỹ sinh trùng	Kính hiển vi	Cái	20
	Máy đo độ PH	Cái	2
	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	1
	Máy lắc ngang	Cái	1
	Máy ly tâm 24 vị trí	Cái	1
	Nồi đun cách thủy	Cái	1
	Nồi hấp tiệt trùng 100 lít	Cái	1
	Tủ an toàn sinh học cấp 2	Cái	1
	Tủ lạnh bảo quản mẫu	Cái	2
	Máy hút ẩm	Cái	2
	Máy in laser	Cái	1
	ôn áp	Cái	1
	Tủ đựng tài liệu	Cái	2
	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	15
Lý - Lý sinh y học	Bộ thí nghiệm hiệu ứng doppler âm	Bộ	2
	Bộ thí nghiệm liên quan đến mắt	Bộ	1
	Bộ thí nghiệm liên quan đến tai	Bộ	2
	Cân kỹ thuật	Cái	2
	Khúc xạ kế	Cái	2
	Kính hiển vi	Cái	2
	Máy đo lực căng mặt ngoài chất lỏng	Cái	2
	Máy quang phổ	Cái	1

Tên phòng thực hành	Các trang thiết bị chính		
	Tên trang thiết bị	ĐVT	SL
	Nguồn Laser He - Ne	Cái	2
	Phân cực nghiệm	Cái	1
	Phân cực nghiệm	Cái	1
	Máy hút ẩm	Cái	1
	ôn áp	Cái	2
Mắt	Bảng đo thị lực điện tử	Cái	1
	Đèn soi bóng đồng tử	Cái	1
	Đèn soi đáy mắt cầm tay	Cái	2
	Kính Goldman 3 mặt gương	Cái	1
	Kính trụ chéo Jackson	Cái	1
	Kính vol 90D	Cái	1
	Máy đo khúc xạ mắt tự động	Cái	1
	Máy đo nhãn áp không tiếp xúc	Cái	1
	Máy sinh hiện vi khám mắt	Cái	
	Mô hình giải phẫu mắt 8 phần lớn gấp 5 lần kích thước thật	Cái	2
	Mô hình mắt lớn gấp 3 lần kích thước thật, 6 phần	Cái	4
	Mô hình soi đáy mắt	Cái	1
Mô phổi	Bếp cách thủy	Cái	1
	Máy ly tâm rotor 6 vị trí	Cái	1
	ôn áp	Cái	1
	Bể rửa dụng cụ bằng siêu âm 28 lít	Cái	1
	Bồn rửa tay vô trùng phòng mổ 2 vòi	Cái	1
	Buồng đếm tinh trùng	Cái	2
	Buồng nuôi cấy vô trùng cấp II (Clean Bench)	Cái	2
	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	40
	Kính hiển vi 2 mắt nghiên cứu	Cái	5
	Kính hiển vi soi nổi kết nối máy tính	Bộ	1
	Kính hiển vi truyền hình kết nối máy tính	Bộ	1
	Máy cắt tiêu bản quay tay	Cái	1
	Máy khuấy từ có gia nhiệt	Cái	1
	Máy làm ẩm tiêu bản	Cái	1
	Máy phân tích tinh dịch		1
	Máy siêu âm đen trắng, kèm thêm đầu dò âm đạo	Cái	1
	Micropipette thể tích thay đổi (bộ 6 cái)	Bộ	1
	Nồi hấp tiệt trùng 110 lít	Cái	1
	Tủ âm CO ₂ 246 lít	Cái	1
	Tủ lạnh âm sâu -30 ⁰ C 274 lít	Cái	1
	Tủ lạnh âm sâu -86 ⁰ C 728 lít	Cái	1
	Tủ lạnh bảo quản hóa chất và sinh phẩm 420l, 2 ngăn	Cái	1
	Tủ sấy 55 lít	Cái	1
Nội	Hệ thống điện tim gắng sức sử dụng thảm chạy	HT	1
	Máy Holter điện tim 24/24h	Bộ	1
	Máy phá rung tim có tạo nhịp ngoài	Cái	1
	Máy siêu âm tim mạch 3 đầu dò	Cái	1
	Máy tạo nhịp tạm thời một buồng	Cái	1

Tên phòng thực hành	Các trang thiết bị chính		
	Tên trang thiết bị	ĐVT	SL
	Monitor theo dõi bệnh nhân 7 thông số	Cái	1
Răng hàm mặt	Bộ đàm cao su	Bộ	1
	Bộ máy và dụng cụ khoan cấy implant	Bộ	1
	Càng ép thủy lực	Cái	1
	Đèn quang trùng hợp	Cái	10
	Ghế máy nha khoa	Cái	10
	Khuôn cao su đúc hàm răng toàn bộ	Cái	1
	Khuôn cao su đúc hàm răng toàn lẻ	Cái	1
	Lò nướng sứ	Cái	1
	Mẫu hàm thực tập cấy ghép implant	Cái	1
	Mẫu hàm thực tập nâng xoang	Cái	1
	Máy chụp X-Quang quanh chóp	Cái	1
	Máy đo chiều dài ống tủy	Cái	1
	Máy khoan nội nha	Cái	1
	Máy lấy cao răng siêu âm	Cái	10
	Máy rửa siêu âm	Cái	1
	Mô hình đào tạo tiền phẫu thuật	Cái	1
	Mô hình đầu người	Cái	2
	Mô hình đầu người cho sinh viên thực tập	Cái	10
	Mô hình đầu người chụp phim x-quang nha khoa	Bộ	20
	Mô hình gây tê	Cái	1
	Mô hình giải phẫu răng sữa và răng vĩnh viễn	Cái	1
	Mô hình hàm răng	Cái	1
	Mô hình hướng dẫn đánh răng	Cái	1
	Mô hình mô phỏng đo chiều dài ống tủy, giải phẫu chân răng và ống tủy	Cái	1
	Mô hình mô phỏng khớp cắn	Cái	1
	Mô hình mô phỏng khớp cắn	Cái	1
	Mô hình mô phỏng khớp cắn khe hở	Cái	1
	Mô hình mô phỏng khớp cắn lộn xộn khu vực 1 nhóm 2	Cái	1
	Mô hình mô phỏng khớp cắn lộn xộn khu vực 2 nhóm 2	Cái	1
	Mô hình mô phỏng khớp cắn lộn xộn nhóm 1	Cái	1
	Mô hình mô phỏng khớp cắn lùi	Cái	1
	Mô hình mô phỏng khớp cắn lùi nhóm 2	Cái	1
	Mô hình mô phỏng khớp cắn lùi nhóm 3	Cái	1
	Mô hình mô phỏng khớp cắn phủ sâu khu vực 1 nhóm 2	Cái	1
	Mô hình mô phỏng khớp cắn phủ sâu khu vực 2 nhóm 2	Cái	1
	Mô hình mô phỏng nội nha	Cái	1
	Mô hình mô phỏng răng tạo các lỗ hàn	Cái	1
	Mô hình mọc răng, thay thế (p12p-100c)	Cái	1
	Mô hình mọc răng, thay thế (p12p-100c)	Cái	1
	Mô hình nhổ răng	Cái	1
	Mô hình nhổ răng khó	Cái	1
	Mô hình nhổ răng ngầm	Cái	1

Tên phòng thực hành	Các trang thiết bị chính		
	Tên trang thiết bị	ĐVT	SL
	Mô hình phẫu thuật nha chu	Cái	1
	Mô hình phẫu thuật vạt	Cái	1
	Mô hình răng mài sẵn làm phục hình bên phải	Cái	1
	Mô hình răng mài sẵn làm phục hình bên trái	Cái	1
	Mô hình silicon dùng để lật và khâu vạt	Cái	1
	Tủ bảo quản tia cực tím 2 ngăn	Cái	1
	Tủ bảo quản tia cực tím 2 ngăn	Cái	1
	Tủ hấp sấy dụng cụ	Cái	2
Sinh hóa	Bếp cách thủy	Cái	1
	Cân phân tích điện tử	Cái	1
	Máy đo độ PH	Cái	1
	Máy ly tâm rotor 6 vị trí	Cái	1
	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Cái	1
	Nồi hấp tiệt trùng tự động dung tích 23 lít	Cái	1
	Pipet tự động	Cái	5
	Tủ sấy	Cái	1
	Điều hòa nhiệt độ 12000 BTU	Cái	1
	Máy hút âm	Cái	1
	Máy quét	Cái	1
	ôn áp	Cái	1
	Lưu điện 6KVA	Cái	2
	Máy phân tích nước tiểu tự động	Cái	1
	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động	Cái	1
	Micropipette thể tích thay đổi (bộ 6 cái)	Bộ	2
	Tủ lạnh bảo quản hóa chất và sinh phẩm 420l, 2 ngăn	Cái	1
Sinh học	Bể điều nhiệt	Cái	1
	Điện di ngang (cho ADN, ARN)	Bộ	1
	Kính hiển vi	Cái	20
	Máy đo độ PH	Cái	1
	Máy đo nhiệt độ cầm tay	Cái	1
	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	1
	Máy ly tâm spindown	Cái	1
	Micropipet	Bộ	1
	Pipet điều chỉnh thể tích	Bộ	2
	Tủ âm 35 lít	Cái	1
	Tủ lạnh -30oc	Cái	1
	Bộ điện di protein	Bộ	1
	Buồng nuôi cấy vô trùng cấp II (Clean Bench)	Cái	1
	Hệ thống thiết bị phân tích và lập sơ đồ nhiễm sắc thể và kỹ thuật FISH kèm bộ quét mẫu tự động	HT	1
	Máy ly tâm lạnh	Cái	1
	Tủ sấy 256 lít	Cái	1
Sinh lý học	Kính hiển vi	Cái	15
	Kính hiển vi truyền hình	Bộ	1
	Máy điện tim 3 cần	Cái	1
	Máy đo chức năng hô hấp	Cái	1

Tên phòng thực hành	Các trang thiết bị chính		
	Tên trang thiết bị	ĐVT	SL
	Máy đo độ bão hòa oxy máu	Cái	1
	Máy hút âm	Cái	1
	Máy đo chức năng hô hấp	Cái	1
	Máy đo điện cơ 4 kênh	Cái	1
	Máy đo điện não vi tính video 32 kênh	Cái	1
	Máy đo mật độ xương bằng tia X	Cái	1
	Máy siêu âm Doppler xuyên sọ	Cái	1
SKMT - SKNN	Sắc ký lớp mỏng	Bộ	1
	Máy đo bức xạ nhiệt	Cái	1
	Máy đo bụi môi trường cầm tay	Cái	1
	Máy đo các chỉ tiêu không khí trong môi trường làm việc	Cái	1
	Máy đo cường độ sáng cầm tay	Cái	1
	Máy đo điện từ trường	Cái	1
	Máy kiểm tra các chỉ tiêu của nước tại hiện trường	Cái	1
	Máy lấy mẫu khí	Cái	1
	Máy phân tích BOD	Cái	1
	Máy phân tích hơi khí độc	Cái	1
Sinh lý bệnh-Miễn dịch	Máy hút âm	Cái	1
	ôn áp	Cái	2
	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	30
	Máy ly tâm thường	Cái	1
	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động 200 test/giờ	Cái	1
	Micropipette thể tích thay đổi (bộ 6 cái)	Bộ	1
Phòng TH Toán-Tin	Máy tính để bàn	Bộ	80
Vi sinh	Buồng nuôi cấy vô trùng cấp II (Bioclean Bench)	Cái	1
	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	40
	Tủ âm 256 lít	Cái	1
	Tủ âm CO ₂ 246 lít	Cái	1
	Tủ sấy 256 lít	Cái	1

4.1.3. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2
	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	2
	Phòng học từ 50-100 chỗ	43
	Số phòng học dưới 50 chỗ	0
	Số phòng học đa phương tiện	1

4.1.4. Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
	Nhóm ngành VI	55.135 cuốn

4.2. Danh sách giảng viên cơ hữu: Đính kèm Đề án (Phụ lục)

4.3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng: Đính kèm Đề án (Phụ lục)

5. Tình hình việc làm (thống kê sinh viên tốt nghiệp trong 2 năm gần nhất)

Nhóm ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó số SV tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Nhóm ngành VI								
- Năm 2016	885		880		804		498/654	
- Năm 2017	885		890		841		338/415	
Tổng								

Ghi chú:

- Chỉ tiêu tuyển sinh, số sinh viên trúng tuyển nhập học, số sinh viên tốt nghiệp trong bảng trên tính bao gồm cả số xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia, sinh viên của các Trường dự bị Trung ương chuyển về, sinh viên hệ cử tuyển và đào tạo theo địa chỉ.

- Sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng: tính trên số sinh viên đã khảo sát.

6. Tài chính:

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm (hệ chính quy 790 chỉ tiêu): 9.796.000.000 đồng
- Chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên đại học hệ chính quy/năm (học phí): 12.400.000 đồng.

PHẦN II: TUYỂN SINH LIÊN THÔNG CHÍNH QUY

1. Căn cứ xây dựng đề án

Căn cứ Thông tư 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ GD&ĐT ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 560/QĐ-ĐHYD ngày 06 tháng 04 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y- Dược về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 40/2015/TTLT-BTC-BGDĐT của Bộ Tài chính-Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 27 tháng 03 năm 2015 quy định chế độ thu, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí TS) đại học, cao đẳng và trung cấp;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về liên kết đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1628/QĐ-ĐHTN ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông báo số 2068/TB-ĐHTN ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Đại học Thái Nguyên về Kết luận của Giám đốc tại cuộc họp về việc thống nhất cách thức tuyển sinh liên thông và văn bằng đại học thứ 2 của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Công văn số 368/ĐHTN-ĐT ngày 13/3/2018 của Đại học Thái Nguyên về việc tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018;

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên trình Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề án về phương án tuyển sinh liên thông chính quy năm 2018 như sau:

2. Mục đích và nguyên tắc chọn phương án tuyển sinh

2.1. Mục đích

- Thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Thực hiện chuyển dần phương thức tuyển sinh chung sang phương thức tuyển sinh riêng theo tinh thần tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học.

- Đánh giá được năng lực người học theo quá trình.

- Đảm bảo chất lượng, phù hợp ngành nghề đào tạo, thực tiễn địa phương và nhu cầu nhân lực xã hội cần.

- Tạo điều kiện cho người học có nhiều cơ hội để học tập, góp phần thực hiện chủ trương xây dựng xã hội học tập để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế tri thức.

2.2. Nguyên tắc

- Đảm bảo các Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đảm bảo lộ trình đổi mới công tác tuyển sinh và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

- Đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch.

- Đảm bảo chất lượng và chỉ tiêu tuyển sinh đối với các ngành đào tạo.

3. Đối tượng tuyển sinh và phương thức tuyển sinh

3.1. Đối tượng

Là công dân Việt Nam có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp y sỹ (đối với thí sinh xét tuyển ngành Y khoa); có bằng tốt nghiệp trung cấp Dược (đối với thí sinh xét tuyển ngành Dược học); đáp ứng đủ các quy định về sức khỏe và các điều kiện dự tuyển khác theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia năm 2018 hoặc kết quả học tập THPT.

3.2.1. Ngành Y khoa

- Tổ hợp môn xét tuyển: Toán, Hóa, Sinh.

- Điểm xét tuyển của thí sinh đăng ký dự tuyển được tính như sau:

Đối với thí sinh sử dụng kết quả thi THPT Quốc gia năm 2018: Điểm xét tuyển = Điểm thi môn Toán + Điểm thi môn Hóa + Điểm thi môn Sinh + Điểm ưu tiên (nếu có).

Đối với thí sinh sử dụng kết quả học tập THPT: Điểm xét tuyển = ĐTB môn Toán + ĐTB môn Hóa + ĐTB môn Sinh + Điểm ưu tiên (nếu có)

3.2.2. Ngành Dược học

- Tổ hợp môn xét tuyển: Toán, Hóa, Lý.

- Điểm xét tuyển của thí sinh đăng ký dự tuyển được tính như sau:

Đối với thí sinh sử dụng kết quả thi THPT Quốc gia năm 2018: Điểm xét tuyển = Điểm thi môn Toán + Điểm thi môn Hóa + Điểm thi môn Lý + Điểm ưu tiên (nếu có)

Đối với thí sinh sử dụng kết quả học tập THPT: Điểm xét tuyển = ĐTB môn Toán + ĐTB môn Hóa + ĐTB môn Lý + Điểm ưu tiên (nếu có)

*** Ghi chú: Điểm trung bình các môn Toán, Hóa, Lý, Sinh là điểm trung bình môn học năm lớp 12 được ghi trong học bạ THPT.**

3.3. Điều kiện phụ trong xét tuyển

Xét điểm từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì trường sẽ xét trúng tuyển dựa trên tiêu chí ưu tiên sau: ĐTB môn Toán lớp 12 đối với thí sinh sử dụng kết quả học tập THPT và điểm thi môn Toán đối với thí sinh sử dụng kết quả thi THPT Quốc gia năm 2018.

3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Tuyển sinh theo chỉ tiêu của Đại học Thái Nguyên và Bộ Giáo dục và Đào tạo giao hằng năm. Số thí sinh trúng tuyển liên thông chính quy không vượt quá 20% chỉ tiêu tuyển chính quy tương ứng theo ngành đào tạo.

3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

Căn cứ Khoản 2, Điều 12, Thông tư 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, Nhà trường quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào như sau: Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển dựa vào kết quả học tập THPT phải có tổng điểm trung bình các

môn học năm lớp 12 thuộc tổ hợp môn xét tuyển của từng ngành đạt từ 15 điểm trở lên và không có môn nào dưới 5 điểm. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia năm 2018, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được áp dụng theo tuyển sinh chính quy.

4. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào trường

4.1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

- 01 phiếu dự tuyển (theo mẫu) có xác nhận đồng ý cho dự thi và theo học của cơ quan quản lý cán bộ có thẩm quyền hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã/phường (hoặc tương đương) trở lên;

- 01 bản photo công chứng học bạ THPT;

- 01 bản photo công chứng bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương);

- 01 bản photo công chứng bằng Y sỹ (đối với dự tuyển ngành Y khoa) và bằng trung cấp Dược (đối với dự tuyển ngành Dược học);

- 01 bản photo công chứng bằng điểm trung cấp;

- 01 Giấy chứng nhận kết quả thi THPT Quốc gia năm 2018 (đối với thí sinh dự tuyển theo kết quả THPT Quốc gia năm 2018);

- 01 bản sao Giấy khai sinh;

- Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên và khu vực tuyển sinh (nếu có);

- Các giấy tờ khác cho từng đối tượng cụ thể được quy định trong thông báo tuyển sinh liên thông chính quy của Nhà trường.

4.2. Lệ phí xét tuyển

Theo quy định hiện hành của Bộ tài chính.

5. Khu vực tuyển sinh

Tuyển sinh trong cả nước.

6. Thời gian tuyển sinh

Xét tuyển cùng với thời gian xét tuyển sinh chính quy.

7. Chính sách ưu tiên

Theo quy định tại Điều 7, Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 và Thông tư 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

7.1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 7, Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 và Thông tư 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

7.2. Chính sách ưu tiên theo khu vực

Thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 7, Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 và Thông tư 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ

sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT- BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Đối với thí sinh chưa có thâm niên công tác hoặc có thâm niên công tác dưới 24 tháng, hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú (hộ khẩu thường trú trên 24 tháng trong thời gian gần nhất).

- Đối với thí sinh có thâm niên công tác trên 24 tháng, hưởng ưu tiên khu vực theo nơi công tác (nơi công tác trên 24 tháng trong thời gian gần nhất).

7.3. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kết tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm).

Ngày 30 tháng 03 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Nguyễn Văn Sơn